

## THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

V/v: **Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng định kỳ năm 2026 cho 03 xe cứu hỏa BKS: CXR-12101; CXR-12102; CXR-12103 tại Cảng HKQT Cam Ranh**

Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh tổ chức mời chào giá hạng mục “**Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ năm 2026 cho 03 xe cứu hỏa BKS: CXR-12101; CXR-12102; CXR-12103 tại Cảng HKQT Cam Ranh**”.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

### 1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá

#### 1.1. Yêu cầu đối với hàng hóa/dịch vụ:

- Quy mô, khối lượng, công việc bảo trì, bảo dưỡng 03 xe cứu hỏa: Theo bảng phụ lục số 01 kèm theo.

- Đối với chi phí dịch vụ bảo dưỡng (gồm: Nhân công, đi lại, ăn ở, vận chuyển vật tư, thiết bị) tại Cảng HKQT Cam Ranh theo quy định tại mục IV, Bảng phụ lục số 01, nhà cung cấp thực hiện chào giá theo mẫu biểu chào giá tại Bảng phụ lục số 03.

1.2. Yêu cầu về chất lượng; xuất xứ; thông số kỹ thuật: Theo bảng phụ lục số 01 kèm theo.

1.3. Yêu cầu về thời gian bảo hành: tối thiểu 06 tháng đối với các vật tư/phụ tùng và dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng kể từ ngày hai bên Bên ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.

1.4. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: Thực hiện trong vòng 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (*bao gồm cả thời gian đặt hàng vật tư, phụ tùng và công tác bảo dưỡng tại Cảng HKQT Cam Ranh*)

1.5. Địa điểm thực hiện dịch vụ: Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh (*Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa*).

1.6. Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 60 ngày kể từ ngày 15/09/2026.

#### 1.7. Yêu cầu về điều kiện thanh toán, hình thức thanh toán:

- Yêu cầu về điều kiện thanh toán: Thanh toán 100 % giá trị hợp đồng sau khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, Biên bản thanh lý hợp đồng.

#### 1.8. Loại hợp đồng: Trọn gói

1.9. Quy cách báo giá: Báo giá phải chào bằng đồng tiền Việt Nam, bao gồm đầy đủ các thuế, phí theo quy định của nhà nước.

1.10. Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị, đóng dấu (nếu có).



## 2. Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá

- Thời hạn nộp hồ sơ chào giá: Trước 10 h 00 ngày 15. tháng 09. năm 2026.

- Địa chỉ nộp hồ sơ chào giá: Phòng kế hoạch – Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh; Địa chỉ: Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

## 3. Thông tin liên hệ:

- Phòng Kế hoạch – Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh
- Địa chỉ: Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên hệ: 098.3735799
- Người liên hệ: Ông Lê Hòa Khánh – Chuyên viên kế hoạch.

## 4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Đăng ký hoạt động hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương (cung cấp bản sao có chứng thực);
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

(Kèm theo Văn bản này là Bảng phụ lục số 02 - mẫu biểu đơn chào giá)

### Nơi nhận:

- Nhà cung cấp;
- Báo Khánh Hòa (để đăng tải);
- Website Cảng HKQT Cam Ranh (để đăng tải);
- Lưu VT, PKH (Kh, 02b).

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Minh Đông**

**BẢNG PHỤ LỤC SỐ 01: QUY MÔ, KHỐI LƯỢNG VÀ YÊU CẦU CHI TIẾT THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG 03 XE CỨU HỎA**  
**BKS: CXR-12101; CXR-12102; CXR-12103 NĂM 2026 TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CAM RANH**  
(Kèm theo Thông báo mời chào giá số 1.715/TB-CHKQTCR ngày 08 tháng 9 năm 2026)

**1 Yêu cầu chung**

- Vật tư/phụ tùng cung cấp: Mới 100 %, chưa qua sử dụng.
- Xuất xứ: Vật tư/phụ tùng cung cấp có xuất xứ rõ ràng  
Có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (C/O) do nước sản xuất hoặc nước nhập khẩu hoặc hãng sản xuất cấp (bản sao có chứng thực), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) do hãng sản xuất cấp (bản sao có chứng thực) trong trường hợp vật tư/phụ tùng có xuất xứ là hàng nhập khẩu (hàng sản xuất từ nước ngoài)
- Có giấy chứng nhận xuất xưởng (bản gốc) hoặc Văn bản cam kết cung cấp vật tư/phụ tùng đảm bảo chất lượng, xuất xứ, thông số kỹ thuật trong trường hợp vật tư/phụ tùng được sản xuất và phân phối trong nước (bản gốc)
- Bảo hành: tối thiểu 06 tháng đối với các vật tư/phụ tùng và dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng kể từ ngày hai bên Bên ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng

**2 Quy mô, khối lượng và Yêu cầu chi tiết**

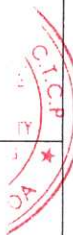
| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị | SL | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|---------|
| I   | Xe cứu hỏa CXR-12101                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |        |    |         |
| I.1 | Đối với phần công việc bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thông thường                                                                                                                                                                                                                                                                     |        |    |         |
| 1   | <b>Dầu nhờn máy động cơ:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít.<br>- Khối lượng riêng ở 15oC: 0.8743g/cm<br>- Độ nhớt động học ở 100oC: 14.21mm2/s<br>- CCS (SAE J 300-2015) (Độ nhớt khởi động lạnh): 6000mPa.s<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                       | Lít    | 54 |         |
| 2   | <b>Mỡ bôi trơn:</b><br>- 16x0.5kg VE<br>- NLGI Grade: 2.5<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                     | Kg     | 10 |         |
| 3   | <b>Lọc nhớt:</b><br>Thông số kỹ thuật<br>- Chiều dài (height): 307 mm ≈ 12,13"<br>- Đường kính ngoài (OD): ~137 mm (5,44")<br>- Gioăng: ID (lỗ trong): 3,44"; OD (lỗ ngoài): 4,33"<br>- Độ dày: 0,28"<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                         | Cái    | 2  |         |
| 4   | <b>Lõi lọc khô khí nén (Lọc tách nước khí nén):</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Áp suất vận hành tối đa (Max. operating pressure): 14.0 bar<br>- Kích thước ren cổng (Port threads): M39 x 1.5<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                 | Cái    | 2  |         |
| 5   | <b>Nhớt hộp số chính, nhớt bộ chia:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít.<br>-Khối lượng riêng ở 15°C: 0.884 g/ml<br>- Độ nhớt động học ở 100°C: 9.8 mm²/s<br>- Độ nhớt động học ở 40°C: 55 mm²/s<br>- Chỉ số độ nhớt: 161<br>- Điểm rót chảy: -45 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương | Lít    | 76 |         |

hu

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị | SL | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|---------|
| 6   | <b>Nhớt cầu vi sai:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít<br>- Density at 15 oC (Khối lượng riêng ở 15 oC): 0.8899 g/cm3<br>- Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100o C): 14.11 mm2/s<br>- Viscosity Index (Chỉ số độ nhớt): 111<br>- Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 196 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương | Lít    | 72 |         |
| 7   | <b>Nhớt bơm môi:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít.<br>- Khối lượng riêng ở 15°C: 0.884 g/ml<br>- Độ nhớt động học ở 100°C: 9.8 mm²/s<br>- Độ nhớt động học ở 40°C: 55 mm²/s<br>- Chỉ số độ nhớt: 161<br>- Điểm rót chảy: -45 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                    | Lít    | 9  |         |
| 8   | <b>Dầu nhờn trợ lực hệ thống lái:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Can 4 lít<br>- Khối lượng riêng ở 15 oC: 0.8458 g/cm3<br>- Độ nhớt động học ở 100o C: 7.201 mm2/s<br>- Chỉ số độ nhớt: 201<br>- Điểm chớp cháy C.O.C: 227 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                              | Lít    | 48 |         |
| 9   | <b>Lọc dầu/ lọc nhiên liệu:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Chiều cao tổng thể: ~266–267 mm (10,5 – 10,75")<br>- Đường kính ngoài: ~93,5–94 mm (3,68–3,75")<br>- Ren kết nối: 1_x001e_-14 UN (1-14-2B)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                          | Cái    | 1  |         |
| 10  | <b>Lọc dầu/ lọc nhiên liệu:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Loại lọc dầu nhiên liệu thô<br>- Đường kính ngoài (Outer Diameter): 109 MM (4.29Inches)<br>- Ren kết nối (Thread Size): 1-14UN<br>- Chiều dài (Length): 155.2 MM (8.54 Inches)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                      | Cái    | 1  |         |
| 11  | <b>Lọc thủy lực (hộp số):</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Đường kính ngoài (Outer Diameter): 121 mm (4.76inch).<br>- Ren kết nối (Thread Size): 1 3/4-12 UN<br>- Chiều dài (Length): 295.4 mm (11.63 inch)<br>- Gioăng lỗ ngoài (Gasket OD): 86 mm (3.39 inch)<br>- Gioăng lỗ trong (Gasket ID): 79 mm (3.11 inch)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương              | Cái    | 1  |         |

kh

| STT         | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị | SL | Ghi chú |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|---------|
| 12          | <b>Nước làm mát động cơ:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Chu kỳ thay thế: Lên đến 12.000 giờ khi sử dụng<br>- Loại bao bì: Xô nhựa (pail)<br>- Dung tích: 18 lít<br>- Vật liệu: Dung dịch làm mát cao cấp<br>- Đơn vị đo: Lít (mm)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương       | Xô     | 4  |         |
| 13          | Lá gạt nước mưa 40 inch SW15<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                            | Cái    | 3  |         |
| 14          | Lá gạt nước mưa 13 inch A332H<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                           | Cái    | 1  |         |
| <b>I.2</b>  | <b>Đối với phần công việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị đặc chủng của xe cứu hỏa</b>                                                                                                                                                                                                  |        |    |         |
| 1           | Nhớt bơm mỡ<br>Chủng loại: SAE 4T 10W-30<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                | Lít    | 2  |         |
| 2           | Nhớt hộp truyền động bơm<br>Chủng loại SAE 80W-90<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                       | Lít    | 4  |         |
| <b>II</b>   | <b>Xe cứu hỏa CXR-12102</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  |        |    |         |
| <b>II.1</b> | <b>Đối với phần công việc bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thông thường</b>                                                                                                                                                                                                                        |        |    |         |
| 1           | <b>Dầu nhớt máy động cơ:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít.<br>- Khối lượng riêng ở 15oC: 0.8743g/cm<br>- Độ nhớt động học ở 100oC: 14.21mm2/s<br>- CCS (SAE J 300-2015) (Độ nhớt khởi động lạnh): 6000mPa.s<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương | Lít    | 54 |         |
| 2           | <b>Mỡ bôi trơn:</b><br>- 16x0.5kg VE<br>- NLGI Grade: 2.5<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                               | Kg     | 10 |         |
| 3           | <b>Lọc nhớt:</b><br>Thông số kỹ thuật<br>- Chiều dài (height): 307 mm ≈ 12,13"<br>- Đường kính ngoài (OD): ~137 mm (5,44")<br>- Gioăng: ID (lỗ trong): 3,44"; OD (lỗ ngoài): 4,33"<br>- Độ dày: 0,28"<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                   | Cái    | 2  |         |
| 4           | <b>Lõi lọc khô khí nén (Lọc tách nước khí nén):</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Áp suất vận hành tối đa (Max. operating pressure): 14.0 bar<br>- Kích thước ren cổng (Port threads): M39 x 1.5<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                           | Cái    | 2  |         |



WHL

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị | SL | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|---------|
| 5   | <b>Nhớt hộp số chính, nhớt bộ chia:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít.<br>- Khối lượng riêng ở 15°C: 0.884 g/ml<br>- Độ nhớt động học ở 100°C: 9.8 mm²/s<br>- Độ nhớt động học ở 40°C: 55 mm²/s<br>- Chỉ số độ nhớt: 161<br>- Điểm rót chảy: -45 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                   | Lít    | 76 |         |
| 6   | <b>Nhớt cầu vi sai:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít<br>- Khối lượng riêng ở 15 oC: 0.8899 g/cm3<br>- Độ nhớt động học ở 100o C: 14.11 mm2/s<br>- Chỉ số độ nhớt: 111<br>- Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 196 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                       | Lít    | 72 |         |
| 7   | <b>Nhớt bơm môi:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít.<br>- Khối lượng riêng ở 15°C: 0.884 g/ml<br>- Độ nhớt động học ở 100°C: 9.8 mm²/s<br>- Độ nhớt động học ở 40°C: 55 mm²/s<br>- Chỉ số độ nhớt: 161<br>- Điểm rót chảy: -45 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                      | Lít    | 9  |         |
| 8   | <b>Dầu nhờn trợ lực hệ thống lái:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Can 4 lít<br>- Khối lượng riêng ở 15 oC: 0.8458 g/cm3<br>- Độ nhớt động học ở 100o C: 7.201 mm2/s<br>- Chỉ số độ nhớt: 201<br>- Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 227 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                         | Lít    | 48 |         |
| 9   | <b>Lọc dầu/ lọc nhiên liệu:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Chiều cao tổng thể: ~266–267 mm (10,5 – 10,75")<br>- Đường kính ngoài: ~93,5–94 mm (3,68–3,75")<br>- Ren kết nối: 1_x001e -14 UN (1-14-2B)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                            | Cái    | 1  |         |
| 10  | <b>Lọc dầu/ lọc nhiên liệu:</b><br>Thông số kỹ thuật;<br>- Loại lọc dầu nhiên liệu thô<br>- Đường kính ngoài (Outer Diameter): 109 MM (4.29Inches)<br>- Ren kết nối (Thread Size): 1-14UN<br>- Chiều dài (Length): 155.2 MM (8.54 Inches)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                        | Cái    | 1  |         |
| 11  | <b>Lọc thủy lực (hộp số):</b><br>Thông số kỹ thuật<br>- Đường kính ngoài (Outer Diameter): 121 mm (4.76inch).<br>- Ren kết nối (Thread Size): 1 3/4-12 UN<br>- Chiều dài (Length): 295.4 mm (11.63 inch)<br>- Gioăng lỗ ngoài (Gasket OD): 86 mm (3.39 inch)<br>- Gioăng lỗ trong (Gasket ID): 79 mm (3.11 inch)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương | Cái    | 1  |         |

Whe

| STT          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị | SL | Ghi chú |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|---------|
| 12           | <b>Nước làm mát động cơ:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Chu kỳ thay thế: Lên đến 12.000 giờ khi sử dụng<br>- Loại bao bì: Xô nhựa (pail)<br>- Dung tích: 18 lít<br>- Vật liệu: Dung dịch làm mát cao cấp<br>- Đơn vị đo: Lít (mm)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                   | Xô     | 4  |         |
| 13           | Lá gạt nước mưa 40 inch SW15<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái    | 3  |         |
| 14           | Lá gạt nước mưa 13 inch A332H<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái    | 1  |         |
| <b>II.2</b>  | <b>Đối với phần công việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị đặc chủng của xe cứu hỏa</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                              |        |    |         |
| 1            | Nhớt bơm mỡ<br>Chủng loại: SAE 4T 10W-30<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Lít    | 2  |         |
| 2            | Nhớt hộp truyền động bơm<br>Chủng loại SAE 80W-90<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Lít    | 4  |         |
| <b>III</b>   | <b>Xe cứu hỏa CXR-12103</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |        |    |         |
| <b>III.1</b> | <b>Đối với phần công việc bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thông thường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |        |    |         |
| 1            | <b>Dầu nhờn máy động cơ:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít.<br>- Khối lượng riêng ở 15oC: 0.8743g/cm<br>- Độ nhớt động học ở 100oC: 14.21mm2/s<br>- CCS (SAE J 300-2015) (Độ nhớt khởi động lạnh): 6000mPa.s<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                             | Lít    | 36 |         |
| 2            | <b>Dầu nhờn hệ thống lái:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Can 4 lít<br>- Density at 15oC (Khối lượng riêng ở 15 oC): 0.8458 g/cm3<br>- Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100o C): 7.201 mm2/s<br>- Viscosity Index (Chỉ số độ nhớt): 201<br>- Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 227 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương | Lít    | 36 |         |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị | SL | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|---------|
| 3   | <b>Lọc nhớt:</b><br>Quy cách: mã số: P551670 Thông số kỹ thuật:<br>- Đường kính ngoài (Outer Diameter): 118 mm (4.65 inch)<br>- Ren kết nối (Thread Size): 1 1/2-12 UN<br>- Chiều dài (Length): 260mm(10.24 inch)<br>- Giăng lỗ ngoài (Gasket OD): 110 mm (4.33 inch)<br>- Gioăng lỗ ngoài (Gasket ID): 98 mm (3.86 inch)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương | Cái    | 1  |         |
| 4   | <b>Lõi lọc khô không khí:</b><br>- Áp suất vận hành tối đa 150 Psi<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái    | 1  |         |
| 5   | <b>Lọc nhiên liệu tinh:</b><br>- Đường kính ngoài (Outer Diameter): 93 mm (3.66inch)<br>- Ren kết nối (Thread Size): 13/16-12 UN<br>- Chiều dài (Length): 174 mm (6.85 inch)<br>- Giăng lỗ ngoài (Gasket OD): 86.2 mm (3.39 inch)<br>- Giăng lỗ trong (Gasket ID): 77.5 mm (3.05 inch)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                    | Cái    | 1  |         |
| 6   | <b>Lọc nhiên liệu thô:</b><br>Thông số kỹ thuật<br>- Đường kính ngoài (Outer Diameter): 109 MM (4.29Inches)<br>- Ren kết nối (Thread Size): 1-14UN<br>- Chiều dài (Length): 155.2 MM (8.54 Inches)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                        | Cái    | 1  |         |
| 7   | <b>Lọc dầu/ lọc nhiên liệu:</b><br>Thông số kỹ thuật<br>- Đường kính ngoài (Outer Diameter): 118.5 mm (4.67inch)<br>- Ren kết nối (Thread Size): 1 5/16-12 UN<br>- Chiều dài (Length): 260 mm (10.24 inch)<br>- Gioăng lỗ ngoài (Gasket OD): 107.6 mm (4.24 inch)<br>- Gioăng lỗ trong (Gasket ID): 93 mm (3.66 inch)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương     | Cái    | 1  |         |
| 8   | <b>Lọc thủy lực:</b><br>Thông số kỹ thuật<br>- Đường kính ngoài 68.4 mm (2.69 inch)<br>- Đường kính trong 27.43 mm (1.08 inch)<br>- Chiều dài 236.5 mm (9.31 inch)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                        | Cái    | 2  |         |
| 9   | <b>Mỡ bôi trơn:</b><br>- 16x0.5kg VE<br>- NLGI Grade: 2.5<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                 | Kg     | 10 |         |

M.S.C.N: 02  
 HẢI  
 CH

*Handwritten signature*

| STT   | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị    | SL | Ghi chú                                                                                                                                                                                             |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10    | <b>Nước làm mát động cơ:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Chu kỳ thay thế: Lên đến 12.000 giờ khi sử dụng<br>- Loại bao bì: Xô nhựa (pail)<br>- Dung tích: 18 lít<br>- Vật liệu: Dung dịch làm mát cao cấp<br>- Đơn vị đo: Lít (mm)<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Xô        | 4  |                                                                                                                                                                                                     |
| 11    | <b>Dầu nhờn hộp bánh răng hệ thống bơm nước:</b><br>Thông số kỹ thuật:<br>- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít.<br>- Density at 15oC (Khối lượng riêng ở 15 oC): 0.8899 g/cm3<br>- Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100o C): 14.11 mm2/s<br>- Viscosity Index (Chỉ số độ nhớt): 111<br>- Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 196 °C<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lít       | 54 |                                                                                                                                                                                                     |
| 12    | Lá gạt nước mưa 40 inch SW15<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái       | 3  |                                                                                                                                                                                                     |
| III.2 | <b>Đổi với phần công việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đặc chủng của xe cứu hỏa</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |    |                                                                                                                                                                                                     |
| 1     | Nhớt bơm mỡ<br>Chủng loại: SAE 4T 10W-30<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Lít       | 2  |                                                                                                                                                                                                     |
| 2     | Nhớt hộp truyền động bơm<br>Chủng loại SAE 80W-90<br>hoặc loại vật tư có thông số kỹ thuật tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Lít       | 4  |                                                                                                                                                                                                     |
| IV    | <b>Chi phí dịch vụ bảo dưỡng (gồm: Nhân công, đi lại, ăn ở, vận chuyển vật tư, thiết bị) tại Cảng HKQT Cam Ranh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |    | Nhà cung cấp thực hiện chào giá chi phí dịch vụ bảo dưỡng (gồm: Nhân công, đi lại, ăn ở, vận chuyển vật tư, thiết bị) tại Cảng HKQT Cam Ranh cho 03 xe cứu hỏa theo biểu mẫu tại Bảng phụ lục số 03 |
|       | <b>Chi phí nhân công thực hiện bảo dưỡng hệ thống đặc chủng của 03 xe cứu hỏa, gồm:</b><br>- Kiểm tra tất cả các bộ phận chuyển động<br>- Kiểm tra bồn chứa nước/foam<br>- Kiểm tra thanh giằng giữ cửa<br>- Kiểm tra dầu/nước bơm chân không mỗi nước<br>- Kiểm tra hệ thống bột khô<br>- Kiểm tra hộp số bơm<br>- Kiểm tra chân không của bơm<br>- Kiểm tra phần gắn kết của hệ thống cứu hỏa trên khung xe<br>- Kiểm tra cơ sở, chất lượng lăng, vòi, thang, dụng cụ theo xe<br>- Kiểm tra chức năng hoạt động của tất cả các lăng phun và các vòi cứu hỏa hai bên hông xe cũng như hệ thống phun gầm<br>- Kiểm tra mỡ làm kín và bôi trơn trục bơm<br>- Kiểm tra hoạt động các van.<br>- Kiểm tra hoạt động các van của hệ thống khí nén<br>- Kiểm tra hoạt động đường ống<br>- Kiểm tra đèn xe và đèn cảnh báo<br>- Kiểm tra chức năng hoạt động gạt kính chắn gió<br>- Kiểm tra và thay thế thanh gạt mưa trên mái và trước xe<br>- Kiểm tra âm ly còi hụ. | Nhân công |    |                                                                                                                                                                                                     |

WHL

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị    | SL | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----|---------|
|     | <b>Chi phí nhân công thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thông thường của 03 xe cứu hỏa, gồm:</b><br>- Khung xe: rò rỉ dầu/nước/chất lỏng dưới gầm, hư hỏng dưới gầm, vòi và kẹp, đường ống thủy lực & khớp nối, chức năng PTO<br>- Hệ thống điện: kiểm tra bộ sạc, đèn chiếu sáng, bảng điều khiển, bình ắc quy<br>- Động cơ: kiểm tra bình nhiên liệu, lọc nhiên liệu/tách nước, mức & áp suất dầu động cơ, cặn bẩn/rò rỉ/lỏng dầu nối, hệ thống xả, tiếng nổ bất thường, lõi lọc khí & đèn báo, mức hoạt động hệ thống làm mát<br>- Trục & truyền động: kiểm tra rò rỉ dầu vi sai, mức dầu hộp số, mức dầu trục, mức dầu vi sai, bôi trơn trung tâm trục, khóa cầu xe<br>- Hệ thống lái: kiểm tra tình trạng lái/thanh kéo/chốt khớp/thanh ngang/đai ốc, kết nối vít, rò rỉ dầu, mức dầu trợ lực, độ an toàn & độ rơ vô lăng<br>- Khí nén: đường ống khí nén, bộ làm khô không khí, các đầu nối<br>- Hệ thống phanh: kiểm tra chức năng phanh, trống phanh & má phanh, đĩa phanh & má phanh, bộ điều chỉnh độ rơ, đường ống & xi lanh phanh<br>- Bánh xe & lốp: kiểm tra hư hỏng lốp<br>- Bôi trơn: bộ truyền động & trục các-đăng, bản lề cửa, giá đỡ cửa<br>- Thay thế vật tư : dầu & lọc dầu động cơ, lọc khô không khí, lọc nhiên liệu, bộ tách nước, lõi lọc khí, dầu bơm môi, dầu-lọc dầu hộp số, gạt nước | Nhân công |    |         |
|     | <b>Chi phí khác liên quan:</b><br>- Chi phí đi lại, ăn ở cho CBNV kỹ thuật trong thời gian thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra và nghiệm thu.<br>- Chi phí vận chuyển vật tư/phụ tùng, thiết bị chuyên dụng đến chân công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |    |         |

kh

## BẢNG PHỤ LỤC 02: MẪU BIỂU ĐƠN CHÀO GIÁ

(Áp dụng đối với vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ bảo trì, bảo dưỡng 03 xe cứu hỏa  
BKS: CXR-12101; CXR-12102; CXR-12103 tại Cảng HKQT Cam Ranh)

(Kèm theo Thông báo mời chào giá số 1745/TB-CHKQTCR ngày 08/09/2026)

Kính gửi: Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh

Theo yêu cầu của Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, chúng tôi, Công ty..... xin chào giá hạng mục “Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng định kỳ năm 2026 cho 03 xe cứu hỏa BKS: CXR-12101; CXR-12102; CXR-12103 tại Cảng HKQT Cam Ranh” như sau:

| TT  | Tên hàng hóa           | Đặc tính kỹ thuật | Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm | Nguồn gốc, xuất xứ | Thời hạn bảo hành | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|------------------------|-------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------|----------|-------------|---------|------------|
| (1) | (2)                    | (3)               | (4)                           | (5)                | (6)               | (7)      | (8)         | (9)     | (10)       |
| 1   |                        |                   |                               |                    |                   |          |             |         |            |
| 2   |                        |                   |                               |                    |                   |          |             |         |            |
|     | <b>Cộng</b>            |                   |                               |                    |                   |          |             |         |            |
|     | <b>Thuế VAT .....%</b> |                   |                               |                    |                   |          |             |         |            |
|     | <b>Tổng cộng</b>       |                   |                               |                    |                   |          |             |         |            |

Bảng chữ:.....

Các điều kiện thương mại:

- Hình thức hợp đồng: [trọn gói hoặc theo đơn giá cố định].
- Thời hạn thực hiện hợp đồng: ..... ngày/ tháng.
- Điều kiện thanh toán / tạm ứng: .....
- Địa điểm giao hàng: .....
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: \_\_\_\_\_ ngày kể từ ngày \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ (ghi ngày hết hạn nộp báo giá, tương đương ngày hết hạn nộp hồ sơ chào giá).
- Các yêu cầu khác (nếu có): \_\_\_\_\_

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

*Handwritten signature*

**Bảng phụ lục số 03: Biểu đơn chào giá chi phí dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng (gồm: Nhân công, đi lại, ăn ở, vận chuyển vật tư, thiết bị) đối với 03 xe cứu hỏa  
BKS: CXR - 12101; CXR - 12102; CXR - 12103 tại Cảng HKQT Cam Ranh**

(Kèm theo Thông báo mời chào giá số 1315/TB-CHKQTCR ngày 08 tháng 9 năm 2026)

**I. Chi phí nhân công thực hiện bảo dưỡng hệ thống đặc chủng và định kỳ thông thường của 03 xe cứu hỏa**

| Stt | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | ĐVT       | Số nhân sự thực hiện (người) | Số ngày thực hiện | Đơn giá | Thành tiền      | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|-------------------|---------|-----------------|---------|
| (1) | (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | (3)       | (4)                          | (5)               | (6)     | (7) = 4 x 5 x 6 |         |
| 1   | <b>Chi phí nhân công thực hiện bảo dưỡng hệ thống đặc chủng của 03 xe cứu hỏa</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |                              |                   |         |                 |         |
|     | <b>Chi phí nhân công thực hiện bảo dưỡng hệ thống đặc chủng của 03 xe cứu hỏa, gồm:</b><br>- Kiểm tra tất cả các bộ phận chuyển động<br>- Kiểm tra bồn chứa nước/foam<br>- Kiểm tra thanh giằng giữ cửa<br>- Kiểm tra dầu/nước bơm chân không mỗi nước<br>- Kiểm tra hệ thống bột khô<br>- Kiểm tra hộp số bơm<br>- Kiểm tra chân không của bơm<br>- Kiểm tra phần gắn kết của hệ thống cứu hỏa trên khung xe<br>- Kiểm tra cơ sở, chất lượng lăng, vòi, thang, dụng cụ theo xe<br>- Kiểm tra chức năng hoạt động của tất cả các lăng phun và các vòi cứu hỏa hai bên hông xe cũng như hệ thống phun gầm<br>- Kiểm tra mỡ làm kín và bôi trơn trục bơm<br>- Kiểm tra hoạt động các van.<br>- Kiểm tra hoạt động các van của hệ thống khí nén<br>- Kiểm tra hoạt động đường ống<br>- Kiểm tra đèn xe và đèn cảnh báo<br>- Kiểm tra chức năng hoạt động gạt kính chắn gió<br>- Kiểm tra và thay thế thanh gạt mưa trên mái và trước xe<br>- Kiểm tra âm ly còi hụ.                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nhân công |                              |                   |         |                 |         |
| 2   | <b>Chi phí nhân công thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thông thường của 03 xe cứu hỏa</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |                              |                   |         |                 |         |
|     | <b>Chi phí nhân công thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thông thường của 03 xe cứu hỏa, gồm:</b><br>- Khung xe: rò rỉ dầu/nước/chất lỏng dưới gầm, hư hỏng dưới gầm, vòi và kẹp, đường ống thủy lực & khớp nối, chức năng PTO<br>- Hệ thống điện: kiểm tra bộ sạc, đèn chiếu sáng, bảng điều khiển, bình ắc quy<br>- Động cơ: kiểm tra bình nhiên liệu, lọc nhiên liệu/tách nước, mức & áp suất dầu động cơ, cặn bẩn/rò rỉ/lỏng dầu nổi, hệ thống xả, tiếng nổ bất thường, lõi lọc khí & đèn báo, mức hoạt động hệ thống làm mát<br>- Trục & truyền động: kiểm tra rò rỉ dầu vi sai, mức dầu hộp số, mức dầu trục, mức dầu vi sai, bôi trơn trung tâm trục, khóa cầu xe<br>- Hệ thống lái: kiểm tra tình trạng lái/thanh kéo/chốt khớp/thanh ngang/đai ốc, kết nối vít, rò rỉ dầu, mức dầu trợ lực, độ an toàn & độ rơi vô lăng<br>- Khí nén: đường ống khí nén, bộ làm khô không khí, các đầu nối<br>- Hệ thống phanh: kiểm tra chức năng phanh, trống phanh & má phanh, đĩa phanh & má phanh, bộ điều chỉnh độ rơi, đường ống & xi lanh phanh<br>- Bánh xe & lốp: kiểm tra hư hỏng lốp<br>- Bôi trơn: bộ truyền động & trục các-dăng, bản lề cửa, giá đỡ cửa<br>- Thay thế vật tư : dầu & lọc dầu động cơ, lọc khô không khí | Nhân công |                              |                   |         |                 |         |
|     | <b>Tổng (1+2)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |                              |                   |         |                 |         |

**II. Chi phí khác liên quan:**

| Stt | Nội dung                                                                                       | ĐVT       | Số nhân sự thực hiện (người) | Số ngày thực hiện | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|-------------------|---------|------------|
| 1   | <b>Chi phí khác liên quan:</b>                                                                 |           |                              |                   |         |            |
| -   | Chi phí đi lại khứ hồi cho nhân sự kỹ thuật thực hiện bảo trì, bảo dưỡng                       | vé        |                              |                   |         |            |
| -   | Chi phí ăn ở cho nhân sự kỹ thuật trong thời gian thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra và nghiệm thu. | Nhân công |                              |                   |         |            |
| -   | Chi phí vận chuyển vật tư/phụ tùng, thiết bị chuyên dụng đến chân công trình                   | gói       |                              |                   |         |            |
|     | <b>Tổng (3)</b>                                                                                |           |                              |                   |         |            |

**III Tổng chi phí (1+2+3):**

*Handwritten signature*